

G. C. Hickey :
**Tự do trong núi rừng. Lịch sử dân tộc
thiểu số ở Tây Nguyên Việt Nam**

Phân tích bởi
P. Ts. Nicolas Weber
(INALCO, Paris)

*Tự do trong núi rừng: Lịch sử dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên Việt Nam*¹ là một tác phẩm lịch sử liên quan đến cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số ở miền Trung Việt Nam nhằm đòi quyền tự trị ở Tây Nguyên vào những năm 1964-1975. Trong tác phẩm này, tác giả trình bày một cách chi tiết các diễn biến chính trị và quân sự ở Tây Nguyên trong quá trình lịch sử của nền đệ nhất và đệ nhị Cộng Hòa ở miền Nam Việt Nam.

Trong chương 1 của tác phẩm với nhan đề «Chiến Tranh», tác giả Hickey phân tích một cách mạch lạc tình hình chính trị sau ngày chia đôi Việt Nam vào năm 1954 và chính sách của Ngô Đình Diệm nhằm đồng hóa dân tộc thiểu số ở miền Nam Việt Nam, nhất là dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Theo tác giả, trước thời Pháp Thuộc, Tây Nguyên là một khu vực hiểm trở tập trung những sắc dân mà dân tộc Việt xem đó chỉ là nhóm «man rợ». Chính vì thế, người Kinh không dám bước chân lên Tây Nguyên để tìm kế sinh nhai. Sau ngày ra đời của Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam vào năm 1954, chính phủ Ngô Đình Diệm công khai xâm chiếm Tây Nguyên và tự quyết định sát nhập đất đai này vào lãnh thổ của miền Nam Việt Nam nhưng không cần hỏi ý kiến bất cứ ai. Sự

¹ Hickey, G. C.: *Free in the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands 1954-1976*, Yale University Press, New Haven and London, 1982.

hiện diện của một thế lực “thực dân” mới trên Tây Nguyên do chính phủ Sài Gòn chủ trương đã làm đảo lộn hoàn toàn cơ cấu tổ chức gia đình, xã hội, phong tục tập quán của dân thổ địa sống trong khu vực này.

Kể từ năm 1955, chính sách Việt Nam hóa khu vực Tây Nguyên đã trở thành một chiến lược chính trị hàng đầu. Nhằm đưa Tây Nguyên ra khỏi ảnh hưởng của Pháp, Ngô Đình Diệm quyết định hủy bỏ chế độ «Hoàng Triều Cương Thổ», một thể chế tự trị để ngăn chặn mọi sự di dân người Kinh sang khu vực này. Thể chế này ưu đãi mọi quyền kiểm soát của thực dân Pháp trên Cao Nguyên và nhất là nhằm kháng cự lại với chủ thuyết thống nhất sơn hà mà Ngô Đình Diệm đã từng mơ ước.

Ngày 11 tháng 3 năm 1955, hoàng đế Bảo Đại ký nghị định trao trả quyền kiểm soát Tây Nguyên cho chính quyền miền nam Việt Nam vừa mới độc lập. Ngày 23 tháng 10 năm 1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố chính thức rằng Tây Nguyên là lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa. Kể từ đó chính phủ Sài Gòn áp dụng tân chính sách «Việt Nam hóa Tây Nguyên», đưa hàng triệu người Việt sang khu vực này để chiếm đất đai sinh sống, thay đổi mọi cơ cấu hành chánh phù hợp với hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa. Chính sách «Việt Nam hóa Tây Nguyên» đã làm đảo lộn hoàn toàn truyền thống nhân tâm và hệ thống tín ngưỡng của các sắc dân sống trên khu vực này.

Ngày 22 tháng 10 năm 1956, chính phủ Sài Gòn đưa ra một chính sách cải cách điền địa, phân chia quyền sở hữu đất đai trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Thế là đất đai Tây Nguyên không còn là đất đai của sắc dân thiểu số nữa. Nhân danh pháp lý của nhà nước, Ngô Đình Diệm ra lệnh di dân người Kinh tràn lên Cao Nguyên, trưng dụng đất đai qua nhiều hình thức như mua bán đổi chát, nhất là đất đai mà dân tộc thiểu số đã khai phá. Vì quá nghèo đói và không còn thế lực nào để bào chữa cho họ, dân tộc thiểu số đành bỏ khu vực canh tác của mình để lui về rừng sâu nước độc. Một năm sau, tức là năm 1957, cộng đồng trí thức gốc Tây Nguyên không ngần ngại đứng ra tố cáo chính sách xâm lược đất đai của người Kinh trên Tây Nguyên. Tiếc rằng, phong trào này bị Ngô Đình Diệm dập tắt ngay.

Lợi dụng sự khủng hoảng chính trị trên Tây Nguyên, phong trào Việt Minh lại đưa ra chiêu bài yểm trợ đồng bào gốc Tây Nguyên để

chống lại chính sách Ngô Đình Diệm. Việt Minh tung ra bao lời hứa là luôn luôn tôn trọng quyền sở hữu đất đai của dân tộc thiểu số, quyền được tự do sống theo truyền thống của mình, v.v. Chính sách truyền truyền này đã thu hút rất nhiều cán bộ gốc Tây Nguyên rời bỏ hàng ngũ để tham gia vào phong trào Việt Minh. Theo tác giả, kể từ năm 1957, hơn 6000 cán bộ người Tây Nguyên đi tập kết và có mặt ở Hà Nội để theo học trong nhiều khóa chỉ đạo chiến tranh và chính trị.

Chương 2 của tác phẩm mang tựa đề: «Ý thức hệ dân tộc và sự vùng dậy đấu tranh». Trong chương này, tác giả dành nhiều trang sách để phân tích nguyên nhân sâu xa của sự ra đời các phong trào đấu tranh quân sự và chính trị, với mục tiêu duy nhất đó là chống lại chính sách đồng hóa dân tộc thiểu số của chính quyền Sài Gòn, và đòi quyền tự trị ở Tây Nguyên phù hợp với chế độ «Hoàng Triều Cương Thổ» thời trước.

Kể từ năm 1955, Y Thih Eban (gốc Radé) đứng ra điều động phong trào bảo vệ quyền sống của dân tộc Tây Nguyên. Từ phong trào này, nhóm trí thức Tây Nguyên quyết định thành lập một tổ chức mang tên là Le Front de Libération des Montagnards-F.L.M. (Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng). Y Mot Ndie Kdam được bầu làm chủ tịch; Y Thih Eban, thư ký và Y Say Mlo Duon Du, thủ quỹ. Vào tháng 3 năm 1955, Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng gửi một văn thư chính thức cho tổng thống Ngô Đình Diệm nhằm yêu cầu chính quyền Sài Gòn phải giải quyết một số yêu sách của dân tộc thiểu số. Mặt trận này hoạt động công khai, thường tổ chức các cuộc hội họp để tuyên truyền mục tiêu chính trị của mình.

Nhằm dập tắt tổ chức Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng, Ngô Đình Diệm ra lệnh chuyển các công chức Thượng tham gia trong phong trào sang làm việc ở các tỉnh khác. Để trả lời cho chính sách ly tán này, trí thức người Thượng lại dán thân vào con đường đấu tranh tinh vi và quy mô hơn. Từ khu vực ở Pleiku, Y Thih Eban quyết định thành lập các «ủy ban đấu tranh bí mật» và kêu gọi Y Bham Enuol tham gia trực tiếp trong tổ chức này. Thế là «ủy ban đấu tranh bí mật» bắt đầu thu hút rất nhiều cán bộ, trong đó có ông Nay Luett (gốc Jarai). Vào tháng 5 năm 1958, «ủy ban đấu tranh bí mật» quyết định thành lập một mặt trận thống nhất mang tên là *Bajaraka* tên

gọi tắt của sắc dân: Bahnar, Jarai, Radé, Kaho. Y Bham Enuol được bầu làm chủ tịch của mặt trận; Paul Nư, đại diện cho tỉnh Komtum; Y Bih Aleo, đại diện tỉnh Darlac; Touneh Yoh và Touneh Phan (gốc Churu), đại diện tỉnh Đồng Nai.

Ba tháng sau, tức là tháng 8 năm 1958, Y Bham Enuol gửi một văn thư yêu cầu các nhà ngoại giao đoàn có mặt ở Sài Gòn trong đó có đại sứ Pháp, Mỹ, Anh, Ấn Độ, v.v., can thiệp trực tiếp với chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm trao trả lại quyền tự trị cho khu vực Tây Nguyên. Để trả lời cho bức thư này, Ngô Đình Diệm ra lệnh tống giam ông Paul Nư vào tháng 9 năm 1958, tiếp theo là ông Y Thih Eban, Y Bham Enuol, Y Ju Eban và Siu Siip.

Theo tác giả G. C. Hickey, vào năm 1950, dân tộc Khmer ở Nam Bộ cũng thành lập một «Mặt Trận Dân Tộc Khmer Nam Bộ». Năm 1963 là năm đánh dấu sự xuất hiện cùng một lúc hai mặt trận vũ trang khác ở Kampuchia đó là «Mặt Trận Giải Phóng Khmer Miền Bắc» và «Mặt Trận Giải Phóng Champa» sau này là «Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa». Theo tác giả, chính trung tá Les Kosem, người Chăm ở Cao Miên là sáng lập viên của hai mặt trận này.

Sự ra đời của «Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa» đã thúc đẩy hai đối thủ Việt Cộng và quân đội Mỹ càng chú ý thêm đến tình hình Tây Nguyên. Nhằm chinh phục khu vực này, Việt Cộng đưa ra dự án chính trị biến Tây Nguyên thành khu vực tự trị và chủ trương tôn trọng tuyệt đối truyền thống dân tộc Tây Nguyên. Phía Hoa Kỳ, quân đội Mỹ đưa ra chiến lược nhằm giúp đỡ Tây Nguyên trên mọi mặt và tìm cách kiểm soát toàn diện khu vực Tây Nguyên. Để đạt đến mục tiêu, cơ quan tình báo CIA đứng ra tổ chức các đơn vị địa phương tập trung các binh sĩ gốc người Tây Nguyên để chống lại sự hiện diện của Cộng Sản trong khu vực này, và nhất là tìm cách đưa các nhân vật *Bajarak* ra khỏi trại giam để lấy lòng tin với các trí thức Tây Nguyên thời đó. Trước biến cố này, Ngô Đình Nhu đứng ra phản đối sự nhúng tay của CIA Mỹ trên Cao Nguyên, vì chính quyền Sài Gòn sợ rằng không còn cơ hội để kiểm soát khu vực Tây Nguyên nữa.

Trong chương 3 với nhan đề: «Mặt Trận Fulro», tác giả G. C. Hickey đặt mọi trọng tâm vào công tác phân tích nguyên nhân sự ra đời của mặt trận này, nhất là vai trò chính trị của Fulro trên bàn cờ

chính trị ở Đông Dương.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963 đánh dấu sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm. Sau ngày đảo chánh, tất cả tù binh *Bajaraka* được trả tự do. Vào tháng 7 năm 1964, qua lời đề nghị của ông Y Dhon Adrong và trung tá Les Kosem, phong trào *Bajaraka* xin sát nhập vào «Mặt Trận Giải Phóng Champa» để thành lập một lực lượng liên hiệp gọi là *Front Unifié de Lutte des Races Opprimées* (Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Các Dân Tộc Bị Áp Bức).

Để mở màn cho sự ra đời của tổ chức này, ngày 20 tháng 9 năm 1964, lực lượng Fulro vùng dậy tấn công cứ điểm quân sự ở Buon Sarpa gần biên giới Cao Miên và Buon Mi Ga gần Ban Mê Thuột. Ngày 17 tháng 10 năm 1964, Fulro ra mắt chính phủ lâm thời của Mặt Trận Giải Phóng Tây Nguyên-Champa đặt dưới quyền lãnh đạo của ông Y Bham Enuôl.

Để giải quyết biến cố này, chính phủ Nguyễn Khánh quyết định thương thuyết với Fulro. Ngày 15 tháng 10 năm 1964, chính quyền Sài Gòn tổ chức một hội nghị tại Pleiku có sự tham dự của phái đoàn Fulro. Nhân dịp này, Fulro đưa ra yêu sách là phải tái lập lại qui chế «Hoàng Triều Cương Thổ»; trao trả quyền sở hữu đất đai cho dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng công chức thiểu số trong các ngành hành chính; thành lập tòa án phong tục riêng; quân đội riêng; và sau cùng phải dành chế độ đặc biệt cho các sinh viên học sinh thiểu số vào các trường phổ thông hay chuyên nghiệp. Ngày 16 tháng 10 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh chủ tọa buổi bế mạc hội nghị, tuyên bố rằng chính phủ Sài Gòn sẽ đáp ứng thích đáng những yêu sách của Fulro.

Sau ngày hội nghị ở Pleiku, phong trào Fulro càng ngày càng lan rộng trên khắp Cao Nguyên và bắt đầu bước chân vào bàn cờ chính trị quốc tế. Đầu năm 1965, Fulro được chính phủ hoàng gia Cao Miên mời tham dự đại hội quốc tế Đông Dương tổ chức tại thủ đô Nam Vang. Đây là cơ hội vàng son để Fulro tuyên truyền mục tiêu đấu tranh chính trị của mình trước dư luận quốc tế. Trong bài diễn văn khai mạc, Y Bham Enuôl đứng ra chỉ trích kịch liệt chính sách đế quốc của Mỹ và phương thức xâm lược của Việt Nam Cộng Hòa.

Chương 4 của tác phẩm nói đến chiến tranh giữa Fulro và chính

phủ Sài Gòn, nhất là vai trò của Bộ Phát Triển Sắc Tộc trong chương trình thương thuyết với Fulro.

Kể từ tháng 6 năm 1965, hàng loạt hội đàm giữa chính quyền Sài Gòn và Fulro được diễn ra. Trong các cuộc hội đàm này, Fulro không ngần ngại đưa ra yêu sách thành lập một quốc gia độc lập ở Tây Nguyên và chọn Ban Mê Thuột là thủ đô của quốc gia này.

Mặc dù chính phủ Sài Gòn chấp nhận ngồi vào bàn thương thuyết với Fulro, nhưng tình hình Tây Nguyên càng ngày càng căng thẳng hơn kể từ tháng 11 năm 1965. Không tìm được giải pháp để thương thuyết, Fulro tung ra chiến dịch tấn công Cao Nguyên vào ngày 17 tháng 12 năm 1965. Sau cuộc tấn công này, chuẩn tướng Vinh Lộc, tư lệnh quân đoàn II và vùng II chiến thuật ra lệnh tử hình 4 tù binh Fulro bị bắt trong trận chiến vào tháng 12 năm 1965.

Vụ án tử hình 4 tù binh Fulro chỉ gây thêm tình hình rối ren ở Tây Nguyên. Hàng loạt tin đồn là linh hồn của 4 tù binh này sẽ xuất hiện trên Cao Nguyên để trả thù dân cư người Việt sinh sống ở đây. Để giải tỏa không khí ngột ngạt này, Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Quốc Gia là Nguyễn Cao Kỳ tìm cách vượt ve Fulro bằng cách bãi bỏ vào ngày 21 tháng 2 năm 1966 Nha Đặc Trách Thương Vụ để thành lập Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ và giao cho Paul Nư, một thành viên Fulro làm Đặc Ủy Trưởng. Sự ra đời của Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ đã đưa tình hình Tây Nguyên vào một khúc quanh mới. Sự hiện diện của ông Paul Nư trong chính quyền Sài Gòn càng làm tăng cường thêm tiếng nói của dân tộc Tây Nguyên ở Việt Nam và kích động ý thức hệ dân tộc trong mọi tầng lớp giới trí thức Tây Nguyên thời đó.

Kể từ năm 1966, vấn đề Fulro không còn nằm trong tay của một số tướng lãnh ở vùng II chiến thuật nữa, nhưng là một vấn đề trọng yếu do chính quyền trung ương ở Sài Gòn đứng ra lý giải và quyết định. Kể từ đó, chính phủ Việt Nam tìm một giải pháp để thương thuyết với Fulro, thay vì dùng bạo lực. Kể từ tháng 5 năm 1966, hội đàm giữa Fulro và chính phủ Sài Gòn bắt đầu tiếp diễn qua nhiều hình thức. Chính quyền Sài Gòn bắt đầu đưa ra một số giải pháp để giải quyết yêu sách của Fulro. Ngày 22 tháng 7 năm 1966, chính phủ Việt Nam chấp nhận Fulro có đại diện chính thức trong các nhà lập hiến và lập pháp. Thêm vào đó, Hội Đồng Sắc Tộc là cơ quan cao cấp đặc trách vấn đề dân tộc thiểu số, được ghi rõ trong điều 66 và 69 của hiến

pháp Việt Nam Cộng Hòa ra đời ngày 1 tháng 4 năm 1967. Sau ngày đắc cử tổng thống vào ngày 16 tháng 12 năm 1967, trung tướng Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh bãi bỏ Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ để thành lập Bộ Phát Triển Sắc Tộc.

Trong chương 5 của tác phẩm với tựa đề «Tết Mậu Thân và sự biến đổi chính trị», tác giả G. C. Hickey cho rằng vào những năm 1968 và 1971, để trả lời cho các yêu sách của Fulro, chính phủ Sài Gòn bắt đầu đưa ra nhiều chính sách ưu đãi hơn dành cho dân tộc thiểu số. Kể từ năm 1969, chính phủ Sài Gòn giao toàn quyền cho Bộ Phát Triển Sắc Tộc để thương thuyết với Fulro và phát triển chương trình sắc tộc dựa trên yêu sách của Fulro. Nhưng biến cố tết Mậu Thân vào năm 1968 đã đưa vấn đề Tây Nguyên vào một khúc quanh mới. Tây Nguyên trở thành bãi chiến trường tranh chấp giữa ba lực lượng đặt dưới quyền điều hành của ba nhân vật gốc Tây Nguyên, đó là Mặt Trận Fulro do Y Bham Enuol (Radhé) lãnh đạo, Mặt Trận Tây Nguyên Tự Trị của Cộng Sản do Y Bih Aleo (Radhé) điều hành và Bộ Phát Triển Sắc Tộc mà bộ trưởng là ông Paul Nur (Bahnar). Trước tình hình khó khăn này, chính quyền Sài Gòn vẫn tiếp tục thương thuyết với Fulro nhưng đôi bên không tìm ra một giải pháp chính trị chung.

Trong chương 6 với nhan đề: «Ảnh hưởng chiến tranh», tác giả G. C. Hickey phân tích rất là tỷ mỉ ảnh hưởng của vai trò chiến tranh trong chính sách phát triển dân tộc thiểu số của chính phủ Sài Gòn.

Trước sự bành trướng tuyên truyền của Cộng Sản, chính phủ Sài Gòn cần có hậu thuẫn giới trí thức Tây Nguyên để phản chiến lại với chính sách của Việt Cộng ở khu vực này. Vào những năm 1964-1970 giới trí thức thiểu số gồm Chăm và các dân tộc Tây Nguyên có một ảnh hưởng mạnh trong tổ chức chính trị và quân sự ở Việt Nam. Đây là thời kỳ vàng son nhất của dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam. Dựa vào thế lực của Fulro, giới trí thức Chăm và Tây Nguyên đã thoát ly ra khỏi mọi sự kiểm chế chính trị, không ngần ngại tạo ra bao phong trào đấu tranh nhằm bảo vệ quyền lợi cho dân tộc thiểu số. Dựa vào quy chế của Bộ Phát Triển Sắc Tộc và Hội Đồng Sắc Tộc, phong trào trí thức người Chăm và Tây Nguyên có một chỗ đứng để tham gia tích cực trong các chính sách của chính phủ Sài Gòn liên quan đến dân

tộc thiểu số ở miền Trung.

Bước vào năm 1970, tổ chức Fulro đang đi vào một khúc quanh mới sau ngày đảo chánh hoàng tử Norodom Sihanouk tháng 3 cùng năm. Vào tháng 4 năm 1970, Việt Cộng tấn công Kampuchea. Ngày 30 tháng 4 năm 1970 quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa tiến quân vào Cao Miên để giúp đỡ quốc gia này ra khỏi ách thống trị của Cộng Sản. Trước tình thế này, lực lượng Fulro không còn là kẻ thù của quân đội Sài Gòn nữa, nhưng là bạn đồng hành trong chiến tranh chống Cộng Sản ở Đông Dương.

Trong chương 7 của tác phẩm, tác giả G. C. Hickey chú tâm đến sự tàn phá của chiến tranh đối với đồng bào sắc tộc ở Tây Nguyên. Kể từ ngày 31 tháng 3 năm 1972, Cộng Sản phát động chiến dịch tấn công Tây Nguyên. Chiến tranh này đã đưa hàng trăm ngàn dân tộc Tây Nguyên phải bỏ rơi thôn xóm để đi tìm khu mới định cư. Họ đã trở thành một nạn nhân của chiến tranh. Tương lai và sự sống còn của họ hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của cuộc chiến giữa chính phủ Sài Gòn và lực lượng đấu tranh vô trang của Cộng Sản.

Qua chương 8 của tác phẩm mang tựa đề «Giữa số 0 và số cộng vô cực», G. C. Hickey dành nhiều trang giấy để đặt lại vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ cách mạng sau ngày giải phóng Sài Gòn vào năm 1974.

Ngày 28 tháng 1 năm 1973, hiệp định đình chiến ở Paris ra đời. Quyền lực của chính phủ Sài Gòn bắt đầu giảm dần. Bộ Phát Triển Sắc Tộc chỉ là một bóng hình không còn hậu thuẫn chính trị. Ngược lại mặt trận Fulro lại xuất hiện ở Tây Nguyên dưới một hình thức khác, đó là lực lượng này không còn là mặt trận chống Cộng Sản nữa, nhưng là tổ chức thân Cộng. Sự góp tay của Fulro trong trận chiến giải phóng Ban Mê Thuột vào đầu năm 1975 là một thí dụ điển hình.

Ngày 17 tháng 4 năm 1975, thủ đô Nam Vang rơi vào tay Khmer Đỏ. Toàn diện trung ương Fulro ở Cao Miên hoàn toàn sụp đổ. Tháng 4 năm 1975 cũng là ngày đánh dấu cho sự sụp đổ của Fulro, một mặt trận đã từng giữ một vai trò quan trọng trên bàn cờ chính trị ở Đông Dương từ năm 1974 đến 1975.

Sau ngày giải phóng Sài Gòn vào năm 1975, dân tộc Tây

Nguyên chờ đợi chính sách của phong trào Tây Nguyên Tự Trị mà Cộng Sản đã hô hào từ năm 1964. Tiếc rằng, đây chỉ là một chính sách lừa bịp. Một khi đã thống nhất đất nước, chính quyền Hà Nội chẳng những không muốn nhắc đến tên phong trào Tây Nguyên Tự Trị này nữa, nhưng còn đưa ra bao chính sách đồng hóa dân tộc thiểu số, biến Tây Nguyên thành khu vực kinh tế mới dành cho 8 triệu người Kinh từ miền Bắc tràn xuống.

Năm 1975 là năm trở lại số không. Chính quyền Hà Nội tái lập lại chính sách mà Ngô Đình Diệm đã từng áp dụng cho khu vực Tây Nguyên vào năm 1954.

*

Tự do trong núi rừng. Lịch sử dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên Việt Nam là một tác phẩm khoa học đầu tiên viết về lịch sử đấu tranh của dân tộc thiểu số ở miền Trung Việt Nam vào những năm 1964-1975, dưới lá cờ của một tổ chức vũ trang mang tên là *Fulro*, tức là Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Các Dân Tộc Bị Áp Bức.

Tác phẩm của G. C. Hickey là một công trình nghiên cứu rất công phu và tỉ mỉ dựa trên nguồn tư liệu rất dồi dào do quân đội Mỹ cung cấp. Cũng nhờ tác phẩm này, độc giả có thể hình dung được phần nào tiến trình lịch sử đấu tranh của dân tộc thiểu số dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, và vai trò của quân đội Mỹ trong lịch trình đấu tranh này.

Dù đây một tác phẩm có chất lượng khoa học rất là cao nhưng tác phẩm này không tránh khỏi một số lỗi lầm, nhất nội dung của chủ đề và phương cách trình bày của tác phẩm.

Đúng trên phương diện nội dung, tác giả G. C. Hickey chỉ biết dựa trên tư liệu do quân đội Mỹ và chính quyền Sài Gòn cung cấp để mô tả lại lịch trình đấu tranh của Fulro, trong khi đó tác giả không lần nào nhắc đến tư liệu Fulro để kiểm chứng lại những biến cố đã xảy ra do quân đội Mỹ hay Sài Gòn loan tin. Sự vắng mặt tư liệu Fulro đã đưa độc giả đặt lại bao nghi vấn, có chăng tác phẩm của G. C. Hickey mà chúng tôi đã phân tích ở phần trên chỉ là lịch sử một chiều của Fulro, hay nói một cách khác đó là lịch sử Fulro nhìn qua quan điểm của quân đội Mỹ hay chính phủ Sài Gòn thì đúng hơn.

Cũng trong tác phẩm này, tác giả rất chú tâm vào sự mô tả quá chi tiết liên quan đến lai lịch gia đình, hệ tộc và nguồn gốc dân tộc của một số nhân vật Fulro, để rồi quên đi phần trình bày một cách sáng sủa hơn liên quan đến lịch trình đấu tranh của Fulro trong thời gian và không gian của nó. Nhìn qua tác phẩm này, độc giả có cảm giác rằng đây chỉ là cuốn ký sự viết về công trình đấu tranh của dân tộc Tây Nguyên, hơn là một đề tài liên quan đến lịch sử đấu tranh của lực lượng vũ trang Fulro mà trung ương đặt tại thủ đô Nam Vang.

Điều đáng ngạc nhiên trong tác phẩm này, đó là tác giả G. C. Hickey chỉ nói đến các nhân vật Fulro gốc Tây Nguyên và chỉ chú tâm đến công trình đấu tranh của anh em Tây Nguyên, để rồi quên hẳn đi vai trò của người Chăm trong mặt trận Fulro này. Tác giả cũng không bao giờ nhắc đến thiếu tướng Les Kosem, người Chăm ở Cao Miên, một sáng lập viên nhưng cũng nhân vật chủ chốt nắm mọi quyền hành trong tổ chức Fulro từ năm 1964 đến năm 1975.

Bên cạnh sự sai lầm đó, tác phẩm của G. C. Hickey vẫn là một công trình nghiên cứu khoa học rất là nghiêm túc liên quan đến lực lượng vũ trang Fulro, một mặt trận đã từng giữ một vai trò quan trọng trên bàn cờ chính trị Động Dương vào những năm 1964-1975.